

DEVELOPING THE ABILITY TO USE SINO-VIETNAMESE VOCABULARY IN THE GRADE 6 LITERATURE TEXTBOOK FOR SECONDARY SCHOOL STUDENTS

Nguyen Hong Linh

TNU - University of Education

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	08/11/2024	A learner-centered approach was used in the development of the 2018 general education curriculum, particularly the Vietnamese language curriculum. Understanding Sino-Vietnamese vocabulary is always of utmost importance among them. However, both teachers and students always view teaching and mastering Sino-Vietnamese language as a challenging undertaking. Therefore, how can we improve the efficiency of teaching high school students Sino-Vietnamese vocabulary? We will concentrate on resolving the issue of Sino-Vietnamese vocabulary instruction in the sixth-grade literature curriculum from The knowledge connection with life series. In order to provide guidance for improving students' ability to use Sino-Vietnamese vocabulary, the study used analytical, statistical, classification, and comparison methods to survey and identify the features of the Sino-Vietnamese vocabulary system in the sixth-grade literature textbook. It also sought to identify common challenges encountered during the teaching and learning of Sino-Vietnamese vocabulary. The findings in this research allow us to underline once more how crucial it is to create efficient teaching strategies that will improve the ability of students with Sino-Vietnamese vocabulary and support their overall language and cognitive development.
Revised:	31/12/2024	
Published:	31/12/2024	

KEYWORDS

New General Education Program for 2018
The grade 6 literature textbook
Sino-Vietnamese vocabulary
Proficiency in the language
Instructional methods

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỬ DỤNG TỪ HÁN VIỆT TRONG SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN 6 CHO HỌC SINH PHỔ THÔNG

Nguyễn Hồng Linh

Trường Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	08/11/2024	Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể năm 2018 nói chung và chương trình môn Ngữ văn nói riêng được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực người học. Trong đó, kiến thức về từ Hán Việt luôn chiếm một vị trí vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, việc dạy và học từ Hán Việt vẫn được đánh giá là nội dung khó đối với cả giáo viên và học sinh. Vậy làm thế nào để nâng cao hiệu quả dạy học từ Hán Việt cho học sinh phổ thông? Đặc biệt là dạy học từ Hán Việt trong sách giáo khoa Ngữ văn 6 thuộc bộ sách <i>Kết nối tri thức với cuộc sống</i> sẽ được chúng tôi tập trung kiến giải trong bài viết này. Nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp phân tích, thống kê, phân loại và so sánh để khảo sát, nhằm chỉ rõ đặc điểm hệ thống từ Hán Việt trong sách giáo khoa Ngữ văn 6. Đồng thời, nghiên cứu cũng xác định những khó khăn thường gặp trong quá trình dạy và học từ Hán Việt, từ đó đưa ra định hướng phát triển năng lực sử dụng từ Hán Việt phù hợp cho học sinh. Thông qua kết quả nghiên cứu, chúng tôi đã khẳng định được tầm quan trọng của việc phát triển phương pháp dạy học hiệu quả để nâng cao năng lực sử dụng từ Hán Việt nhằm góp phần hỗ trợ sự phát triển toàn diện về ngôn ngữ và nhận thức của học sinh.
Ngày hoàn thiện:	31/12/2024	
Ngày đăng:	31/12/2024	

TỪ KHÓA

Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018
Sách giáo khoa Ngữ văn lớp 6
Từ Hán Việt
Năng lực sử dụng ngôn ngữ
Phương pháp giảng dạy

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.11506>

Email: linhh.lol@tnue.edu.vn

<http://jst.tnu.edu.vn>

341

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Giới thiệu

Việc dạy và học từ Hán Việt trong chương trình Ngữ văn ở trường phổ thông hiện nay vẫn còn là vấn đề trở ngại đối với giáo viên và học sinh. Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về phương pháp giảng dạy từ Hán Việt cũng như việc ứng dụng trong dạy học Ngữ văn, nhưng các nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào khía cạnh lí thuyết, chưa có nghiên cứu ứng dụng cụ thể vào việc giảng dạy chương trình Ngữ văn mới năm 2018.

Trước hết, việc hiểu rõ về mặt bản chất từ Hán Việt là cơ sở khoa học, tiền đề lí luận quan trọng cho nghiên cứu ứng dụng từ Hán Việt trong thực tế giảng dạy. Tiêu biểu nhất cho khuynh hướng nghiên cứu từ Hán Việt gắn với nguồn gốc và lịch sử tiếng Việt là công trình của Nguyễn Tài Căn [1]. Tác giả đã giới thiệu chi tiết hoàn cảnh lịch sử dẫn đến sự hình thành cách đọc Hán Việt: từ nguồn gốc, xuất phát điểm của cách đọc Hán Việt đến những khảo sát về quá trình, diễn tiến của cách đọc chữ Hán ở Việt Nam từ đầu thế kỉ X đến nay. Tiếp đến là khuynh hướng nghiên cứu từ Hán Việt về mặt cấu trúc, hệ thống bao gồm đặc điểm cấu tạo, ngữ pháp, ngữ nghĩa và phong cách từ Hán Việt của tác giả Phan Ngọc [2]. Xây dựng từ điển từ Hán Việt có công trình của tác giả Đào Duy Anh [3]. Ngoài ra, có thể kể đến “Từ điển từ Hán – Việt” của tác giả Phan Văn Các [4]. Đây là những cuốn sách công cụ hỗ trợ đắc lực trong nghiên cứu và sử dụng từ Hán Việt ở Việt Nam. Khuynh hướng nghiên cứu về từ Hán Việt được coi trọng nhất hiện nay là nghiên cứu từ Hán Việt gắn với việc dạy học ở trường phổ thông. Bởi trong chương trình Ngữ văn, số lượng từ Hán Việt từ bậc tiểu học đến trung học phổ thông, đã được đưa vào giảng dạy nhiều.

Các nghiên cứu ban đầu của Trương Chính [5], Lê Xuân Thai [6], Nguyễn Văn Khang [7] đã đặt nền móng cho việc giảng dạy từ Hán Việt trong trường phổ thông. Các tác giả đã thảo luận tầm quan trọng của việc hiểu và sử dụng từ Hán Việt, nhằm hỗ trợ học sinh trong việc mở rộng vốn từ và hiểu sâu hơn về ngôn ngữ văn học. Các nghiên cứu trên chủ yếu tập trung vào lí luận và tầm quan trọng của từ Hán Việt đối với năng lực ngôn ngữ tổng quát của học sinh. Bài viết của Nguyễn Thị Lương [8] tiếp tục đi sâu vào vấn đề dạy từ Hán Việt ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông. Các tác giả đã nhấn mạnh những khó khăn cụ thể trong việc truyền đạt từ Hán Việt cho học sinh trung học, đồng thời đề xuất phương pháp giảng dạy hiệu quả. Giai đoạn nghiên cứu từ 2015 trở về sau tập trung vào việc đánh giá thực tế, khả năng nhận biết và sử dụng từ Hán Việt của học sinh, sinh viên, như trong nghiên cứu của Trần Thị Kim Anh [9]. Kết quả nghiên cứu cho thấy: mặc dù học sinh phổ thông và sinh viên có vốn từ Hán Việt nhất định, nhưng khả năng sử dụng và phân tích ý nghĩa còn hạn chế. Để giải quyết vấn đề này, trong bài báo của mình, tác giả Ngô Thị Thu Trang [10] đã đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao năng lực sử dụng từ Hán Việt, chú trọng vào việc giúp học sinh phát triển kĩ năng ngôn ngữ và tư duy phân tích từ vựng. Tác giả Hoàng Hoài Thương [11] tiếp tục phân tích các hiện tượng ngữ nghĩa của từ Hán Việt trong tiếng Việt hiện đại, cung cấp cơ sở lí thuyết quan trọng để cải thiện phương pháp dạy học từ Hán Việt trong nhà trường.

Nhìn chung, các nghiên cứu qua từng giai đoạn đều nhấn mạnh tầm quan trọng của từ Hán Việt trong giáo dục ngôn ngữ ở trường phổ thông và các phương pháp giảng dạy hiệu quả để nâng cao hiểu biết và kĩ năng sử dụng từ Hán Việt cho học sinh. Giai đoạn đầu tập trung vào lí luận và ý nghĩa của từ Hán Việt, trong khi các giai đoạn sau phát triển hướng nghiên cứu thực tiễn, đánh giá khả năng sử dụng của học sinh và đề xuất biện pháp cải thiện hiệu quả học tập. Tuy nhiên, các nghiên cứu đã khảo sát chủ yếu tập trung vào các chương trình giáo dục cũ, chưa phản ánh đầy đủ yêu cầu và nội dung của chương trình phổ thông hiện hành. Do vậy, bài báo của chúng tôi góp phần bổ sung những khoảng trống còn thiếu hụt trong nghiên cứu giảng dạy từ Hán Việt, cụ thể là ở phạm vi sách giáo khoa Ngữ văn 6 thuộc bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*. Bài viết phân tích hệ thống từ Hán Việt trong sách giáo khoa Ngữ văn 6, từ đó đề xuất định hướng nhằm giúp phát triển năng lực sử dụng từ Hán Việt cho học sinh phổ thông, góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập trong bối cảnh giáo dục mới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Chúng tôi chủ yếu sử dụng các phương pháp phân tích, thống kê, phân loại và so sánh để khảo sát và chỉ rõ đặc điểm hệ thống từ Hán Việt trong sách giáo khoa Ngữ văn 6 thuộc bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*. Nghiên cứu tập trung làm rõ những khó khăn trong việc dạy học từ Hán Việt. Từ đó, chúng tôi đề xuất các định hướng quan trọng nhằm phát triển năng lực sử dụng từ Hán Việt cho học sinh phổ thông.

3. Kết quả và bàn luận

Sách giáo khoa Ngữ văn 6 thuộc bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* được biên soạn theo mô hình sách giáo khoa phát triển năng lực người học, đã có sự kế thừa kinh nghiệm và những thành tựu nổi bật trong nghiên cứu biên soạn và xuất bản. Tuy nhiên, khối kiến thức về ngôn ngữ vẫn được đánh giá là khó, nhất là các bài học có liên quan đến từ Hán Việt. Tại sao dạy học từ Hán Việt vẫn luôn được coi trọng, đặc biệt là ở bậc trung học? Đặc điểm của hệ thống từ Hán Việt trong sách giáo khoa Ngữ văn 6 và định hướng dạy học cụ thể để phát triển năng lực sử dụng từ Hán Việt cho học sinh phổ thông sẽ là những vấn đề được chúng tôi tập trung nghiên cứu.

3.1. Hệ thống khái niệm có liên quan đến từ Hán Việt

Phát triển ngôn ngữ nói chung và việc phát triển lớp từ ngữ Hán Việt cho học sinh nói riêng là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục. Nhiệm vụ này không chỉ được thực hiện trong các giờ dạy học tiếng Việt mà cần được diễn ra trong suốt tiến trình dạy học Ngữ văn và gắn chặt với các bước đọc hiểu văn bản tác phẩm [12]. Để dạy học tốt các bài học liên quan đến yếu tố Hán Việt, từ Hán Việt, trước hết đòi hỏi người dạy cần có hiểu biết đúng và đầy đủ về những khái niệm này. Đặc biệt, từ Hán Việt có vai trò vô cùng quan trọng trong phân môn ngôn ngữ. Bởi vì, trong kho tàng từ vựng tiếng Việt, từ Hán Việt chiếm hơn 70% [13], đây là lượng từ ngữ chiếm ưu thế và được sử dụng phổ biến trong tạo lập văn bản. Để dạy tốt từ Hán Việt, người dạy cần phải hiểu các khái niệm liên quan đến yếu tố Hán Việt, từ Hán Việt và cách đọc Hán Việt, đồng thời khu biệt được nội hàm của các khái niệm nêu trên.

Trước hết về khái niệm cách đọc Hán Việt, Nguyễn Tài Cẩn [1, tr.9] đã định nghĩa: “*Cách đọc Hán Việt là một cách đọc vốn bắt nguồn từ cách phát âm tiếng Hán đời Đường, được dạy ở Giao Chỉ vào các thế kỉ VIII, IX. Đây là hình thức phát âm tiếng Hán đương thời và chắc chắn có sự biến dạng do tác động của hệ thống ngữ âm tiếng Việt. Sau khi nhà nước giành được độc lập, người Việt vẫn tiếp tục duy trì cách phát âm đó của tiếng Hán, phát triển cách phát âm đó theo con đường riêng, bất kể ở bên kia người Hán phát âm như thế nào.*”. Sau khi hiểu rõ về cách đọc Hán Việt, giáo viên cần tiếp tục đi sâu tìm hiểu yếu tố Hán Việt, từ Hán Việt.

Yếu tố Hán Việt là yếu tố gốc Hán, một âm tiết, phát âm theo cách đọc Hán Việt, dùng để cấu tạo từ. Mỗi yếu tố Hán Việt tương đương với một chữ Hán. Ví dụ: 天 *thiên* (trời); 人 *nhân* (người); 地 *địa* (đất); 國 *quốc* (nước). Yếu tố Hán Việt được chia thành 2 loại. Thứ nhất, yếu tố Hán Việt vừa là tiếng vừa là từ, được dùng độc lập với cương vị từ, mỗi yếu tố là một từ của tiếng Việt, ví dụ *thắng, lợi, hại, phòng, trà, cao, thành, học, xã*. Thứ hai, yếu tố Hán Việt chỉ là tiếng, không là từ, không được dùng độc lập với cương vị từ mà chỉ là một thành tố cấu tạo từ, ví dụ: *quốc, gia, thủy, sơn, hải, thiên, địa, mã, tiếu, khán, thính, độc, hắc* [14, tr.15].

Vậy từ Hán Việt là gì? “*Từ Hán Việt là một trong các từ loại gốc Hán, có vỏ ngữ âm là âm Hán Việt, được mượn vào kho từ vựng tiếng Việt sau thế kỉ X và trở thành một bộ phận của từ vựng tiếng Việt, nếu là đơn tiết thì thường là từ cổ, khó hiểu, nếu là song tiết thì được cấu tạo theo cú pháp Hán, có phong cách riêng (trang trọng, cổ kính, thấp thoáng) khác với phong cách từ thuần Việt (cụ thể, dân dã, dễ hiểu)*” [14, tr.44]. Như vậy, từ Hán Việt phải là những từ gốc Hán được phát âm theo cách đọc Hán Việt, có cấu tạo từ các yếu tố Hán Việt và thường gồm hai tiếng Hán Việt trở lên. Tuy nhiên cần phân biệt những từ gốc Nam Á hay gốc Việt được người Hán phiên âm

dựa vào âm Hán: *tân lang* là phiên âm của từ *plang* hay *mlang* (molang), *Hùng Vương* thì từ *Hùng* là dịch từ *khun* và *kun* của các dân tộc Thái, Mường, Xá và đây không phải là các yếu tố Hán Việt.

3.2. Những khó khăn trong dạy học từ Hán Việt trong sách giáo khoa Ngữ văn 6

Trong chương trình Ngữ văn bậc tiểu học, học sinh được tiếp cận lớp từ ngữ Hán Việt thông qua sự lồng ghép trong phân môn Luyện từ và câu hoặc qua các bài Mở rộng vốn từ: *Nhân dân, Hoà bình, Hữu nghị - Hợp tác*. Người dạy đã có định hướng giảng dạy phù hợp, giúp các em hiểu và biết cách dùng các từ Hán Việt một cách dễ hiểu, không quá nặng về kiến thức từ vựng, ngữ âm và ngữ pháp tiếng Việt. Vì sách giáo khoa Ngữ văn 6 là chương trình Ngữ văn đầu tiên của cấp trung học cơ sở nên học sinh thường gặp phải những khó khăn và thử thách nhất định trong tiếp cận, trau dồi và phát triển vốn kiến thức về từ Hán Việt. Tuy được cung cấp một lượng kiến thức cơ bản ở bậc tiểu học (kỹ năng về nhận diện mặt chữ, kiến thức về chính âm, chính tả và cách tạo lập các văn bản đơn giản), đến chương trình Ngữ văn bậc trung học đòi hỏi sự phát triển, hoàn thiện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết của học sinh thông qua các bài học về văn học và ngôn ngữ. Những từ Hán Việt xuất hiện trong văn bản không được chú giải hoặc chỉ chú thích nghĩa cơ bản, không mở rộng nghĩa và cách sử dụng khiến người học dễ hiểu sai hoặc hiểu không đầy đủ nghĩa, gây khó khăn trong tư duy ngôn ngữ và tạo nên sự chênh lệch trình độ của học sinh. Điều đó, cũng gây hạn chế đối với người dạy trong giảng dạy từ ngữ, giới hạn phạm vi giảng dạy và khó tạo hứng thú học tập cho học sinh. Có thể nói sách giáo khoa Ngữ văn 6 là cầu nối, trạm trung chuyển, đóng vai trò quan trọng, là tiền đề cho việc học tốt kiến thức Ngữ văn ở các lớp học tiếp theo. Đặc biệt, số lượng yếu tố Hán Việt, từ Hán Việt đã có sự gia tăng đáng kể đã tạo nên những khó khăn, thách thức như sự khó hiểu, khó vận dụng đối với học sinh trong việc tiếp nhận và sử dụng hệ thống từ Hán Việt trong giao tiếp và tạo lập văn bản.

3.3. Khảo sát hệ thống từ Hán Việt trong sách giáo khoa Ngữ văn 6

Chúng tôi đã khảo sát toàn bộ hệ thống từ Hán Việt trong sách giáo khoa Ngữ văn 6 thuộc bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, phân loại và có định hướng giảng dạy cụ thể, nhằm giúp giáo viên có thêm tư liệu tham khảo, lựa chọn được phương pháp dạy học thích hợp nhằm hỗ trợ học sinh lĩnh hội được tốt nhất hệ thống từ Hán Việt trong tiếng Việt, cũng như vận dụng hiệu quả yếu tố Hán Việt vào thực tế cuộc sống.

Qua khảo sát, chúng tôi thu được kết quả về hệ thống từ Hán Việt có mặt trong sách giáo khoa Ngữ văn 6 cụ thể như sau: tập 1 gồm 81 từ Hán Việt; tập 2 gồm 110 từ Hán Việt. Số lượng từ đơn tiết: 41 từ; từ đa tiết: 150 từ; Thành ngữ Hán Việt: 04 thành ngữ. Số lượng từ Hán Việt xuất hiện chủ yếu là các từ đa tiết. Trong sách giáo khoa Ngữ văn 6, tập 1 không có bảng tra cứu từ Hán Việt nhưng ở tập 2 đã có chú thích 71 từ Hán Việt. Một số thành ngữ Hán Việt đã được đề cập và giải thích ở phần cuối chân trang bài học.

Như vậy, sách giáo khoa Ngữ văn 6 đã chú trọng nhiều đến từ Hán Việt. Từ Hán Việt đã xuất hiện ở hầu hết các bài học, từ văn học đến ngôn ngữ. Bên cạnh các từ ngữ được chú thích, còn là những từ đơn tiết đã được học, đòi hỏi học sinh phải ghi nhớ kiến thức ở bậc tiểu học để đọc hiểu văn bản và tiếp nhận những từ Hán Việt mới được thuận lợi.

3.4. Định hướng dạy học từ Hán Việt trong sách giáo khoa Ngữ văn 6 nhằm phát triển năng lực sử dụng từ Hán Việt cho học sinh

Đối với học sinh lớp 6, việc học tập để phân biệt từ Hán Việt với từ thuần Việt, vấn đề hiểu nghĩa từ Hán Việt vẫn gặp nhiều khó khăn. Khi học về yếu tố Hán Việt, từ Hán Việt, chúng tôi nhận thấy các yếu tố Hán Việt được sử dụng độc lập với tư cách là từ dễ hiểu hơn là các yếu tố Hán Việt không được sử dụng độc lập (chỉ là yếu tố cấu tạo từ). Có thể khẳng định, các yếu tố Hán Việt vừa là tiếng vừa là từ thường được học sinh tiếp nhận dễ dàng hơn các yếu tố Hán Việt chỉ là tiếng. Đặc biệt, các từ ngữ Hán Việt biểu thị những sự vật, hoạt động, tính chất gần gũi với cuộc sống hằng ngày thường được học sinh ghi nhớ nhanh chóng hơn. Từ lý thuyết ngôn ngữ học về từ

Hán Việt, cùng những khảo sát về hệ thống các yếu tố Hán Việt được giảng dạy trong sách giáo khoa Ngữ văn 6, trên nền tảng năng lực ngôn ngữ phát triển từ bậc học tiểu học và phù hợp với tâm lí lứa tuổi của học sinh, chúng tôi chỉ ra những định hướng dạy học cụ thể nhằm phát triển năng lực sử dụng từ Hán Việt cho học sinh lớp 6.

3.4.1. Cung cấp, mở rộng các tầng nghĩa của yếu tố Hán Việt

Ở phần chú thích mỗi bài học, các từ Hán Việt đều được giải thích một cách dễ hiểu, tuy nhiên chỉ dừng lại ở sự chú thích về mặt ý nghĩa. Hầu như chưa có sự liên hệ, mở rộng thêm hệ thống các từ Hán Việt có liên quan đến yếu tố Hán Việt được dạy. Vì thế, trong quá trình giảng dạy nếu giáo viên dụng công trong việc giải thích, mở rộng thêm lớp nghĩa của các từ Hán Việt đã được chú thích ở cuối mỗi trang sách sẽ giúp cho học sinh khắc sâu kiến thức và bước đầu có sự mở rộng đối với yếu tố Hán Việt, từ Hán Việt được nhắc đến.

Những kiến thức mở rộng như vậy sẽ giúp cho việc học và hiểu yếu tố Hán Việt, từ Hán Việt không còn là sự nhận thức sơ lược, mơ hồ ngược lại sẽ góp phần khắc sâu, giúp học sinh phân biệt được các tầng nghĩa khác nhau của cùng một yếu tố Hán Việt. Ví dụ: Giáo viên giúp học sinh hiểu nghĩa của yếu tố *thiên* trong nhóm các từ Hán Việt: *thiên tài* [15, tr.54], *thiên nhiên*, *thiên vị* bằng cách đưa ra chuỗi các từ để học sinh ghép (cho các từ sau *tài, xanh, nhiên, đất, lệch, cây, vị* v.v. em hãy ghép với yếu tố *thiên* để tạo thành từ có nghĩa).

Nội dung kiến thức về từ Hán Việt cho đến nay không chỉ là phần tri thức khó đối với học sinh, mà đối với giáo viên, đây còn là nội dung đòi hỏi người dạy phải nắm vững kiến thức mới có thể định hướng và làm chủ được quá trình dạy học. Một trong những nguyên nhân của việc nói sai chính âm, viết sai chính tả là do học sinh hiểu sai từ, dẫn đến diễn đạt sai. Việc mở rộng các yếu tố Hán Việt với mục đích cung cấp cho học sinh một lượng tri thức cơ bản để các em tích lũy dần, hạn chế tối đa việc sử dụng sai từ Hán Việt trong giao tiếp, cũng như trong hành văn.

Tuy nhiên, trong thời lượng bài học, tiết học, giáo viên không có nhiều thời gian để giảng dạy sâu, kĩ và việc mở rộng các yếu tố Hán Việt thường bị giới hạn. Vì vậy, giáo viên có thể thiết kế thành nội dung bài tập về nhà, sau đó cần có sự kiểm tra, rà soát mức độ hiểu bài và thiết kế thêm những nội dung đa dạng, phong phú về từ Hán Việt để học sinh rèn luyện. Ví dụ các bài luyện tập như đưa ra các từ Hán Việt có chứa yếu tố *trường* [15, tr.69] và giải thích ý nghĩa. (Gợi ý bài tập: Em hãy ghép yếu tố *trường* với các yếu tố: *sở, hòa, kì, hợp* để tạo thành từ có nghĩa).

3.4.2. Thực hành hệ thống hóa từ Hán Việt dựa vào đặc điểm cấu tạo và ý nghĩa của các yếu tố Hán Việt

Dựa vào các yếu tố Hán Việt đã chú thích, người học có thể tìm các từ có chứa các yếu tố Hán Việt đó. Giáo viên có thể cung cấp một số ngữ liệu cụ thể và yêu cầu học sinh tìm các từ Hán Việt có liên quan đến yếu tố Hán Việt cần học. Ví dụ: tìm các từ Hán Việt có chứa yếu tố *địa, hỏa, lực, thước* [15, tr.120]; *thủy, đồn* [15, tr.121]. Tiếp đến là xây dựng các yêu cầu, bài tập về nhà. Ví dụ: hãy dựa vào các kiến thức văn học và ngôn ngữ đã được học, hoặc thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, truyền thông, báo đài để mở rộng vốn hiểu biết của bản thân về các yếu tố Hán Việt đơn lẻ: *phẩm, thọ, hải* [15, tr.122]. Bài tập dạng này nhằm giúp các em hình thành tư duy logic thông qua việc tạo nên một nhóm từ Hán Việt có liên quan.

3.4.3. Phân nhánh các nhóm từ Hán Việt đồng nghĩa, đồng âm

Trước hết, giáo viên cần có hiểu biết sâu sắc về hiện tượng đồng nghĩa và đồng âm của từ Hán Việt. Ví dụ như đồng nghĩa giữa yếu tố Hán Việt và yếu tố phi Hán Việt như: *thiên – trời, địa – đất, tử – con, tôn – cháu*. Ngoài ra, nhiều cặp yếu tố Hán Việt đồng nghĩa do các biến thể ngữ âm của cách đọc Hán Việt đối với một chữ Hán. Ví dụ: *binh – bằng, nghĩa – ngãi; vũ – võ; thời – thì; tràng – trường; đàng – đường*.

Đồng âm trong nội bộ yếu tố Hán Việt (các yếu tố đồng âm này được viết bằng các chữ Hán khác nhau, nhưng ghi bằng chữ quốc ngữ thì chỉ có một, vì vậy rất dễ nhầm lẫn). Ví dụ 天 *Thiên*:

trời, tự nhiên (thiên nhiên, thiên tai, thiên thạch, thiên từ...), 遷 *Thiên*: dời đi (biển thiên, thiên đô, thiên di...), 千 *Thiên*: nghìn (thiên lí, thiên thu, thiên hình vạn trạng...) [14, tr.33-34].

Để giúp học sinh ghi nhớ sâu hơn nghĩa của các yếu tố Hán Việt đã học, sau khi học sinh hiểu nghĩa và xác định được nhóm từ Hán Việt chứa các yếu tố này, giáo viên có thể yêu cầu phân loại các từ đó thành nhóm đồng nghĩa và đồng âm. Việc đặt từ Hán Việt trong mối quan hệ với từ thuần Việt đồng nghĩa và đồng âm sẽ giúp cho việc học từ Hán Việt trở nên sinh động, tăng hiệu quả ghi nhớ và vận dụng chính xác trong giao tiếp cũng như hành văn. Giáo viên có thể cho học sinh tìm thêm các từ đồng nghĩa, đồng âm khác. Hệ thống các từ đồng nghĩa, đồng âm có thể là từ Hán Việt, cũng có thể là từ thuần Việt. Sau đó dựa trên hệ thống các nhóm từ tìm được giúp học sinh phân biệt và nhận diện được sự khác biệt giữa từ Hán Việt và từ thuần Việt. Ví dụ: *câu hôn* [16, tr.13] với *xin cưới*; *mục đồng* [16, tr.18] với *trẻ chăn trâu*; *ngũ sắc* [16, tr.28] với *năm màu*.

3.4.4. Hướng dẫn học sinh vận dụng từ Hán Việt để đặt câu, viết đoạn

Việc dạy học từ Hán Việt không chỉ nâng cao năng lực giao tiếp mà quan trọng hơn giúp cho quá trình tạo lập văn bản của học sinh đạt được hiệu quả cao. Trước hết, giáo viên có thể yêu cầu học sinh đặt câu với các từ mà nghĩa của chúng không liên quan đến nhau. Ví dụ: Đặt câu với mỗi từ sau: *độ lượng*, *đa tình* [15, tr.103]; *hiếu thuận*, *hoàn hảo* [16, tr.63].

Từ sự phân tách nhóm đồng nghĩa và đồng âm ở trên, giáo viên có thể đưa ra một nhóm các từ Hán Việt có chứa yếu tố Hán Việt đồng âm để học sinh đặt câu, hiểu đúng cách sử dụng đối với từng trường hợp cụ thể. Đối với nhóm bài tập đặt câu với các từ đồng nghĩa đòi hỏi người học phải nắm được sắc thái nghĩa của từng từ. Đây là bài tập tương đối khó nhưng sẽ giúp các em sử dụng từ được chính xác, khoa học và hiệu quả. Ví dụ: dựa vào từ *vũ* [15, tr.13] hãy đặt câu với các từ sau: *vũ hội*, *vũ trụ*.

Ngoài ra, giáo viên có thể vận dụng bài tập đặt câu để phân biệt nghĩa của các cặp từ trái nghĩa. Ví dụ: hãy đặt câu để phân biệt nghĩa của các cặp từ trái nghĩa sau: *trường thọ* [15, tr.122] với *đoàn mệnh*; *lạc hậu* [15, tr.14] với *hiện đại*.

3.4.5. Hướng dẫn học sinh hiểu đúng giá trị phong cách của từ Hán Việt

Ngoài việc hiểu rõ ý nghĩa của từ, giáo viên cần giúp học sinh hiểu đúng giá trị phong cách của từ Hán Việt. Hướng dẫn học sinh bước đầu sử dụng lớp từ này một cách phù hợp và có hiệu quả. Giáo viên đưa ra một số văn bản sử dụng các từ thuần Việt, yêu cầu học sinh tìm ra các từ Hán Việt tương ứng để thay thế. Bước tiếp theo, giáo viên yêu cầu học sinh nhận xét, đánh giá sự khác biệt trong việc sử dụng từ Hán Việt và từ thuần Việt và để các em phát biểu quan điểm cá nhân, lựa chọn cách diễn đạt phù hợp.

Các giá trị phong cách mà từ Hán Việt mang lại thường là tạo sắc thái tao nhã, tránh gây ấn tượng ghê rợn, tạo sắc thái trang trọng, gợi hình ảnh của thế giới bất động im lìm [14, tr.74]. Qua quá trình thực nghiệm, vận dụng các dạng bài tập theo định hướng nói trên, vốn từ tiếng Việt nói chung và vốn từ Hán Việt nói riêng của học sinh sẽ tăng lên theo từng bài học. Đặc điểm nhận thức và sự hiểu biết của các em thường phát triển theo đặc điểm tâm lí, lứa tuổi. Sự nhận thức khuy biệt ở mỗi cấp học của học sinh là những yếu tố cần phải được quan tâm trong quá trình nghiên cứu, lựa chọn hệ thống từ Hán Việt vào giảng dạy. Chẳng hạn, ở lớp 6 nên chọn những từ Hán Việt mà nghĩa của chúng không quá xa lạ với nghĩa của từng yếu tố như *ca sĩ*, *danh ca*, *quản ca*. Còn các từ như *phong ba*, *cơ bản* nên để học ở các bậc học cao hơn, khi vốn từ tiếng Việt của học sinh đã có sự hoàn thiện, phong phú. Chia sẻ với những khó khăn của người biên soạn sách về vấn đề dạy học từ Hán Việt, chúng tôi cho rằng người soạn sách cần phải tính toán đến một loạt các nhân tố, mà nhân tố hàng đầu là đối tượng sử dụng sách. Từ đó, có sự định hướng, lựa chọn, thực nghiệm nghiên cứu để tìm ra giải pháp phù hợp, hiệu quả.

Chương trình sách giáo khoa 2018 chú trọng phát triển năng lực toàn diện, bao gồm năng lực ngôn ngữ và khả năng vận dụng kiến thức ngôn ngữ vào thực tiễn. Tuy nhiên, chưa có nhiều nghiên cứu về cách tích hợp từ Hán Việt vào các hoạt động học tập hướng tới phát triển năng lực, như tư

duy phân biện, kĩ năng giao tiếp và giải quyết vấn đề. Khoảng trống này đòi hỏi những nghiên cứu cụ thể để tìm ra phương pháp giảng dạy từ Hán Việt giúp học sinh không chỉ ghi nhớ từ mà còn hiểu sâu hơn về bối cảnh văn hóa, lịch sử, từ đó vận dụng linh hoạt vào đời sống. Một thách thức lớn khác là việc nghiên cứu và phát triển các phương pháp giảng dạy từ Hán Việt phù hợp với phương pháp dạy học tích cực của chương trình mới, thay vì cách tiếp cận truyền thống. Để đáp ứng yêu cầu này, cần có những nghiên cứu về cách thiết kế các hoạt động học tập thực tế như thảo luận nhóm, học theo dự án, hay tự học có hướng dẫn nhằm giúp học sinh khám phá, vận dụng và nâng cao vốn từ Hán Việt của mình.

Chương trình mới nhấn mạnh việc đánh giá năng lực toàn diện, do đó cần có những công cụ và tiêu chí đánh giá năng lực sử dụng từ Hán Việt của học sinh một cách rõ ràng và phù hợp. Tuy nhiên, hiện vẫn thiếu các nghiên cứu xây dựng các bộ tiêu chí đánh giá năng lực sử dụng từ Hán Việt một cách có hệ thống và bám sát thực tế học tập. Ngoài ra, bối cảnh xã hội hiện nay với sự giao thoa văn hóa mạnh mẽ đã đặt ra yêu cầu mới cho cách hiểu và sử dụng từ Hán Việt. Nhiều từ Hán Việt trong ngôn ngữ hiện đại đã có sự thay đổi về ý nghĩa và cách sử dụng so với trước đây. Việc thiếu vắng các nghiên cứu về ngữ nghĩa và vai trò của từ Hán Việt trong ngữ cảnh văn hóa đương đại gây khó khăn cho việc truyền đạt ý nghĩa thực tế và ứng dụng linh hoạt cho học sinh.

Như vậy, qua quá trình khảo sát, nghiên cứu hệ thống từ Hán Việt trong sách giáo khoa Ngữ văn lớp 6 thuộc bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, chúng tôi đã đưa ra được một số định hướng cho việc học tập từ Hán Việt ở bậc trung học cơ sở nói chung và sách giáo khoa Ngữ văn 6 nói riêng. Cụ thể, mục tiêu của việc dạy học từ Hán Việt là giúp học sinh hiểu nghĩa, biết cách vận dụng và mở rộng được vốn từ Hán Việt. Việc hiểu nghĩa của yếu tố Hán Việt có tác dụng hỗ trợ học sinh nhận thức được một lượng nhất định các yếu tố Hán Việt để từ đó có thể phỏng đoán, khẳng định nghĩa của nhóm từ Hán Việt trong hệ thống vốn có. Vì vậy, học tốt yếu tố Hán Việt là yêu cầu thực sự cần thiết đối với học sinh. Việc liên hệ nghĩa của yếu tố Hán Việt và nghĩa của từ Hán Việt chỉ có thể thực hiện trong một phạm vi nhất định. Nếu đặt nặng vấn đề này sẽ là quá sức đối với học sinh, vì vậy đòi hỏi giáo viên phải có sự chuẩn bị kĩ, thiết kế các dạng bài tập phù hợp, kết hợp giữa định hướng giảng giải trên lớp, giao bài tập về nhà, đồng thời sát sao trong kiểm tra, đánh giá để kịp thời uốn nắn nhận thức sai lệch của người học. Đồng thời, cần tăng cường các dạng bài tập tạo lập văn bản (đưa ra một hệ thống từ Hán Việt và từ thuần Việt để học sinh lựa chọn hành văn), giúp học sinh nhận thức được giá trị phong cách của từ Hán Việt.

4. Kết luận

Từ Hán Việt chiếm một vị trí vô cùng quan trọng trong tiếng Việt, do vậy các nội dung về dạy học yếu tố Hán Việt, từ Hán Việt cần luôn được coi trọng. Nghiên cứu của chúng tôi đã bước đầu khảo sát hệ thống từ Hán Việt ở sách giáo khoa Ngữ văn 6 thuộc bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* và chỉ rõ những khó khăn trong dạy học từ Hán Việt ở sách giáo khoa mới. Từ đó, có những định hướng cụ thể giúp người dạy có thêm phương pháp dạy học tích cực, nhằm phát triển năng lực người học. Các định hướng dạy học từ Hán Việt đã lấy người học làm trung tâm, giúp người học hiểu và vận dụng được thành thạo từ Hán Việt trong tạo lập văn bản cũng như trong giao tiếp cuộc sống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] T. C. Nguyen, *The Origin and Development of Sino-Vietnamese Reading*. National University Publishing House, Hanoi, 2000.
- [2] N. Phan, *Tips for Explaining Sino-Vietnamese Words and Correcting Spelling Mistakes*. Thanh Nien Publishing House, 2000.
- [3] D. A. Dao, *Simplified Sino-Vietnamese Dictionary*. Culture and Information Publishing House, Hanoi, 2005.
- [4] V. C. Phan, *Chinese-Vietnamese Dictionary*, Education Publishing House, Hanoi, 1994.
- [5] C. Truong, "Teaching and Learning Sino-Vietnamese in Secondary Schools," *Vietnamese Language Journal*, no. 7, pp. 8-15, 1989.

-
- [6] X. T. Le, "On the issue of teaching and learning Sino-Vietnamese vocabulary in high schools," *Language Journal*, no. 4, pp. 14 -19, 1990.
- [7] V. K. Nguyen, "Sino-Vietnamese Vocabulary and the Issue of Teaching Sino-Vietnamese Vocabulary in General Education Schools," *Language Journal*, no. 1, pp. 24-33, 1994.
- [8] T. L. Nguyen, "The issue of teaching Sino-Vietnamese vocabulary to high school students," *Language & Life Journal*, no. 6, pp. 5-9, 2011.
- [9] T. K. A. Tran, "Pupils and students' ability to recognise and use Sino-Vietnamese," *Science & Technology Development Journal*, vol. 18, no. 2, pp. 5-13, 2015.
- [10] T. T. T. Ngo, "Some measures that need to be implemented to enhance students' ability in terms of using Sino Vietnamese words," *TNU Journal of Science and Technology*, no. 172, pp. 9-13, 2017.
- [11] H. T. Hoang, "Some semantic features of Sino-Vietnamese words used," *Journal of Social Sciences, Humanities & Education*, vol. 9, no. 1, pp. 61-66, 2019.
- [12] T. T. T. Le, "Orienting the development of the Sino-Vietnamese word class in association with steps in the reading comprehension of Vietnam's medieval literary Works," *Da Nang University Journal of Science and Technology*, no. 10, pp. 65-67, 2014.
- [13] N. S. Nguyen, *Exploring the History of the Vietnamese Language*. Ha Noi National University of Education Publishing House, Hanoi, 2003.
- [14] H. L. Nguyen and V. T. Nguyen, *Outline of the Lecture on Sino-Vietnamese Vocabulary*, Thai Nguyen University of Education, 2023.
- [15] M. H. Bui, "The grade 6 literature textbook - Volume 1 (connect knowledge with life series)", Serial number, SGV 2018/KNTT-L6, Education Publishing House, Hanoi, 2023.
- [16] T. N. H. Nguyen, "The grade 6 literature textbook - Volume 2 (connect knowledge with life series)", Serial number, SGV 2018/KNTT-L6, Education Publishing House, Hanoi, 2023.